



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

*(Kèm theo quyết định số/with decision No: / QĐ - VPCNCLQG ngày tháng 09 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)*

Tên tổ chức giám định: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH Á VIỆT**
Name of Inspection Body: **A VIET INSPECTION JOINT STOCK COMPANY**
Mã số công nhận: **VIAS 068**
Accreditation Code:
Chuẩn mực công nhận: **ISO/IEC 17020:2012**
Accreditation Standard:
Địa chỉ trụ sở chính : **32 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng**
The Head Office Address: **32 Le Dinh Ly, Thanh Khe Ward, Da Nang City**
Địa điểm công nhận: **32 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng**
Accredited Location: **32 Le Dinh Ly, Thanh Khe Ward, Da Nang City**
Điện thoại/ Tel: **0236 3655665**
Email: **avietcontrol@avietcontrol.com.vn** Website: **avietcontrol.com.vn**
Loại tổ chức giám định: **Loại A**
Type of Inspection: **Type A**
Người đại diện: **Vũ Ngọc Khoa**
Authorized Person: **Vu Ngoc Khoa**
Hiệu lực công nhận đến: **Kể từ ngày / 09 / 2025 đến ngày / 09 / 2030**
Period of Validation :



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ <i>Machinery, Equipment, Technological lines</i>	- Số lượng, chủng loại, tình trạng, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất, tính đồng bộ và chất lượng còn lại - Quantity, specifications, condition, origin, manufactured year, synchronism and quality of rest	KTNV-QT-01 KTNV-QT-02 KTNV-QT-11 KTNV-QT-12 KTNV-QT-16 KTNV-QT-20 KTNV-QT-25 KTNV-QT-13	Phòng giám định 1 <i>Department of inspection No.1</i>
Nông sản: Dăm gỗ <i>Agricultural products: Wood chips</i>	- Lấy mẫu - Chất lượng (độ ẩm, kích thước, tạp chất) - Sampling - Quality (moisture content, size, impurity characteristics)	KTNV-QT-05	Phòng giám định 1 <i>Department of inspection No.1</i>
Định lượng: Hàng hóa Quantity: Cargo	- Khối lượng bằng phương pháp đo mớn nước - Khối lượng hàng lỏng theo phương pháp thể tích - Kiểm đếm số lượng - Weight by draft survey. - Weight by volume measurement - Tally	KTNV-QT-04 KTNV-QT-06 KTNV-QT-12 KTNV-QT-26	Phòng giám định 1 và 2 <i>Department of inspection No.1&2</i>
Hàng hải <i>Marine</i>	Giám định tàu biển, container trước khi cho thuê, nhận lại <i>On-Off hire survey</i>	KTNV-QT-09	Phòng giám định 2 <i>Department of inspection No.2</i>

Ghi chú/ Note:

- KTNV-QT-xx: Qui trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- Trường hợp Công ty Cổ phần Giám định Á Việt cấp dịch vụ giám định thì Công ty phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the A Viet Joint Stock Company that provides inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp / qui trình giám định, lần và / hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình giám định máy móc, thiết bị	KTNV - QT - 01 (2018)
Quy trình giám định dây chuyền sản xuất	KTNV - QT - 02 (2017)
Quy trình giám định khối lượng bằng mớn nước	KTNV - QT - 04 (2023)
Quy trình giám định dầm gỗ xuất khẩu	KTNV - QT - 05 (2025)
Quy trình giám định khối lượng hàng lỏng trong giao nhận tại tàu	KTNV - QT - 06 (2017)
Quy trình giám định con tàu trước khi cho thuê-nhận lại	KTNV - QT - 09 (2017)
Quy trình giám định tình trạng hàng hóa	KTNV - QT - 11 (2017)
Quy trình giám định số lượng chi tiết	KTNV – QT- 12 (2017)
Quy trình giám định quy cách phẩm chất hàng hóa	KTNV – QT - 13 (2017)
Quy trình giám định sự đồng bộ của máy móc thiết bị	KTNV - QT - 16 (2017)
Quy trình giám định xuất xứ máy móc thiết bị	KTNV - QT - 20 (2017)
Quy trình giám định máy móc thiết bị đã qua sử dụng	KTNV - QT - 25 (2018)
Quy trình kiểm đếm số lượng trong giao nhận với tàu	KTNV - QT - 26 (2018)


PKM